

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4

61 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP.HCM, ĐT: (08) 38205968 Fax: (08) 38297577

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4



(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103003297 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/04/2005 đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 24/07/2007)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

Công ty Cổ phần In Số 4

Địa chỉ : 61 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3

Điện thoại : (84.8) 38205968 Fax: (84.8) 38297577

Website : www.inso4.com

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên : **Trần Thành Quân Triết**

Chức vụ : *Nhân viên Kế toán Tổng hợp – Công ty Cổ phần In số 4*

Điện thoại : 08. 38291312 Fax: 08. 38297577

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4

*(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103003297 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp
lần đầu ngày 14/04/2005 đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 24/07/2007)*



ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty cổ phần In số 4
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	:	10.000 đồng
Tổng số lượng đăng ký giao dịch	:	1.200.000 cổ phần
Tổng giá trị đăng ký giao dịch	:	12.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN SAO VIỆT

Trụ sở chính : 386/51 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, Tp HCM
Điện thoại : (84.8) 35261357 Fax: (84.8) 35261359

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4

**(Ban hành kèm theo thông tư 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Trưởng Bộ tài
Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)**

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Giới thiệu chung về Công ty

Tên gọi	CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4
Tên giao dịch quốc tế	No 4 printing jonit – stock company
Tên viết tắt	IN4 JSC
Địa chỉ:	61 Phạm Ngọc Thạch Phường 6 , Quận 3

Logo



Điện thoại	08. 38205968 – 08 38291312
Fax	08. 38297577
E-mail	ctcpin4@vnn.vn
Website	www.inso4.com

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103003297 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/04/2005 đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 24/07/2007)

2. Quá trình phát triển

Ngành nghề kinh doanh chính:

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003297, Công ty Cổ phần In số 4 có ngành nghề kinh doanh như sau: In các loại sản phẩm: sách báo, xuất bản phẩm, bao bì, mác nhãn mang tính thương mại, biểu mẫu kinh doanh, hóa đơn chứng từ, đóng xén sách báo, bế hộp, mạ nhũ vàng, cho thuê văn phòng.

Tình hình hoạt động

Công Ty Cổ Phần In số 4 tiền thân là Xí Nghiệp Quốc doanh In số 4 - được thành lập từ tháng 12/1979 thuộc Sở Văn hóa Thông tin sau đó đổi tên thành Xí nghiệp In số 4 theo Quyết định số 145/QĐ-UB ngày 26/11/1992 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi tiến hành thành công công tác cổ phần hóa Xí nghiệp, Công ty đã chính thức lấy tên Công ty Cổ phần In số 4 vào tháng 4/2005.

Hoạt động với tinh thần trách nhiệm, công khai, dân chủ và đoàn kết, cán bộ công nhân viên trong công ty đã tạo nên một tập thể vững mạnh với đội ngũ lao động có tay nghề cao và từng bước xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp phát triển ổn định, vững mạnh, khẳng định vị thế của doanh nghiệp không chỉ ở phạm vi trong nước và khu vực.

Sau hơn 30 năm hoạt động, với sự nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên và ban lãnh đạo, Công ty không chỉ nhận được sự tín nhiệm của khách hàng, lòng tin của người tiêu

dùng mà còn được nhận nhiều bằng khen, giấy khen của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Tài Chính và Chính phủ.

Đặc biệt, sau hơn 5 năm hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty đã 3 năm liền được nhận bằng khen: “Đạt thành tích xuất sắc trong sản xuất – kinh doanh” từ năm 2005-2007. Riêng trong năm 2010 Công ty đã đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh xét trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế cũng như của ngành In.

Với tiềm năng phát triển và những thành tích đã đạt được, Công ty đã đang và luôn phấn đấu nhằm thực hiện mục tiêu không chỉ ổn định và chăm lo đời sống người lao động mà còn đóng góp vào sự phát triển chung của ngành, của thành phố và đất nước.

3. Định hướng phát triển

- ❖ Duy trì và củng cố nguồn việc dài hạn, khai thác thêm nguồn việc mới.
- ❖ Nâng cao chất lượng sản phẩm trên cơ sở tổ chức sản xuất hợp lý, nâng cao trình độ kỹ thuật, công nghệ.
- ❖ Lập phương án di dời, tập trung mặt bằng sản xuất và mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ❖ Xây dựng cơ chế lương thưởng hợp lý nhằm khuyến khích người lao động, sắp xếp lại lao động ở một số khâu nhằm tăng hiệu quả sản xuất, nâng cao năng suất lao động.
- ❖ Tiết giảm chi phí và vận dụng nguồn vốn hiện có một cách linh hoạt.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NHỮNG NÉT NỔI BẬT CỦA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2010

Ngay từ lúc xây dựng kế hoạch năm 2010, Hội đồng Quản trị công ty dự báo tình hình hoạt động năm 2010 sẽ khó khăn hơn năm 2009, do đó các chỉ tiêu kế hoạch đề ra ở mức thấp hơn thực hiện năm 2009. Thực tế diễn ra trong 6 tháng đầu năm 2010 cho thấy những dự báo trên là đúng, bởi vì kết quả ghi nhận qua 6 tháng đầu năm cho thấy các chỉ tiêu chủ yếu như sản xuất, doanh thu, lợi nhuận đều đạt thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

Để vực dậy các hoạt động, cải thiện tình hình, Ban quản lý và điều hành công ty đã triển khai đồng loạt nhiều biện pháp đối ngoại, đối nội kịp thời, hữu hiệu, nhờ đó kết quả

hoạt động sản xuất kinh doanh cả năm 2010 là khả quan: chỉ tiêu sản lượng trang in vượt 4%, doanh thu vượt 9%, lợi nhuận vượt 20% so với kế hoạch đề ra.

Những nét nổi bật trong hoạt động kinh doanh của Công ty năm vừa qua có thể kể đến:

1. Những khó khăn và thuận lợi của hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010

Khó khăn trong hoạt động kinh doanh:

- Lạm phát cao, biến động tỷ giá, lãi suất tín dụng làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Nhiều chuyên gia nhận định : doanh nghiệp nào có tỷ suất lợi nhuận trên vốn dưới 20% coi như cầm chắc lỗ.

- Giá cả nguyên vật liệu tăng vọt, tiền lương điều chỉnh tăng, ... khiến cho các doanh nghiệp chông đỡ vất vả khi thực hiện các hợp đồng đã ký kết với khách hàng.

- Ngành in còn có một “vấn nạn” riêng là cạnh tranh giảm giá trong nội bộ ngành, làm cho nhiều nhà in điêu đứng. Hiệp hội in Việt Nam nhận định có đến 20% doanh nghiệp in thua lỗ.

Sáu tháng đầu năm, Công ty CP In số 4 cũng đối diện với những khó khăn nêu trên, mặt khác còn bị nguồn việc vé số giảm sút ập đến tưởng chừng khó vượt qua trở ngại để hoàn thành kế hoạch đề ra năm 2010.

Tuy nhiên, bên cạnh những khó khăn công ty có những thuận lợi cơ bản sau:

- Các đơn vị khách hàng hết sức thông cảm với những khó khăn và đã giúp đỡ Công ty trong việc điều chỉnh giá công in cho phù hợp.

- Nội bộ Công ty đoàn kết, thống nhất các chủ trương, biện pháp giúp giải quyết những tồn tại, khó khăn một cách kịp thời và có hiệu quả.

- Tình hình tài chính lành mạnh góp phần giảm áp lực lãi suất tín dụng và giúp thanh toán các chi phí nhanh, gọn.

- Được cấp trên và các ban, ngành quan tâm hỗ trợ, tạo những điều kiện thuận lợi.

Ban quản lý, điều hành Công ty nắm bắt và vận dụng những thuận lợi, vượt qua những khó khăn, thách thức hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2010.

2. Công tác đầu tư

Kế hoạch hoạt động của công ty trong thời gian tới:

- ❖ Tổ chức lại sản xuất trên cơ sở tập trung toàn bộ vào mặt bằng nhà xưởng về địa điểm 129 Âu Cơ, Quận Tân Bình với diện tích 4.000m².
- ❖ Tổ chức kinh doanh, dịch vụ mới tại các mặt bằng hiện hữu.
- ❖ Đầu tư máy móc, thiết bị in mới, mở rộng ngành hàng in bao bì, quảng cáo.

3. Công tác quản trị

Để đảm bảo công tác quản trị được thực hiện một cách hiệu quả và tuân thủ các quy định của pháp luật. Năm 2010, Ban lãnh đạo Công ty cũng như người phụ trách công bố thông tin đã tham dự lớp đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý nhằm nghiên cứu ứng dụng các phương pháp quản trị tốt hơn cho Doanh nghiệp.

Ngoài ra, nhằm chuẩn bị cho việc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán chưa niêm yết, Hội đồng quản trị đang từng bước xây dựng Quy chế quản trị Công ty theo Quyết định số 12/2007/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 13 tháng 03 năm 2007 về việc Ban hành Quy chế Quản trị Công ty cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán để chuẩn hóa hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

4. Các công tác khác

Trong năm 2010, trong Đại Hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đã tổ chức bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2010 – 2014. Kết quả là các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của nhiệm kỳ trước đều tái đắc cử nhiệm kỳ mới (2010 – 2014). Về thành phần Ban giám đốc, Kế toán trưởng vẫn không thay đổi.

5. Các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh năm 2010 :

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2009	NĂM 2010		TỶ LỆ (%)	
			Kế hoạch	Thực hiện	So với KH	So với 2009
1	2	3	4	5	6 = 5/4	7 = 5/3
Tổng sản lượng sản xuất trong kỳ (trang in 13 x 19)	Triệu trang	6.752	6.000	6.241	104	92
Doanh thu	Triệu đồng	33.869	32.000	34.989	109	103
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.648	3.200	3.854	120	106
Nộp ngân sách	Triệu đồng	1.572	2.200	3.123	142	199
Thu nhập bình quân	Ngàn đồng	3.650	3.200	5.056	158	139
Tỉ lệ cổ tức	%	18%	16%	18%	113	100

TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TƯƠNG LAI

Hội đồng Quản trị công ty tích cực thúc đẩy triển khai dự án di dời, tập trung mặt bằng sản xuất và tổ chức lại hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đến thời điểm này, những vướng mắc về vấn đề thủ tục đất đai, nhà xưởng đã được giải quyết xong, đồng thời những chi tiết đàm phán với đối tác hợp tác, liên kết cũng đã đạt được sự thỏa thuận của hai bên, vì vậy dự án chuẩn bị bước vào giai đoạn triển khai thực hiện. Theo kế hoạch sắp xếp, trong vòng ba bốn tháng tới đây, sẽ tiến hành việc di dời tập trung mặt bằng sản xuất.

Kế hoạch di dời, tập trung mặt bằng sản xuất được thực hiện xong sẽ mở ra nhiều hoạt động và triển vọng cho công ty trong những năm tiếp theo :

- Công ty có điều kiện hợp lý hóa dây chuyền sản xuất và các công đoạn sản xuất được tổ chức tập trung trên một mặt bằng, nhờ đó sẽ tiết giảm nhiều chi phí vận chuyển, kho bãi, lao động,...

- Công ty có điều kiện đầu tư thêm thiết bị, máy móc để nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh, cải thiện cơ cấu sản phẩm theo hướng nâng cao sản phẩm có giá trị kinh tế cao,...

- Công ty sẽ đẩy mạnh các hoạt động khai thác các mặt bằng hiện hữu, góp phần tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của công ty.

Dự kiến từ năm 2012, công ty sẽ có nhu cầu tăng vốn để đáp ứng việc triển khai

nhiều hoạt động và đầu tư chiều sâu, từ đó có thể thấy quy mô của công ty sẽ to lớn hơn trong tương lai.

Trên cơ sở đó, kế hoạch và các chỉ tiêu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 là:

- **Tổng sản lượng sản xuất trong kỳ** : **5.600.000.000 trang**
- **Tổng doanh thu** : **32.000.000.000 đồng**
- **Lợi nhuận trước thuế** : **3.200.000.000 đồng**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính :

CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ (NĂM 2010)
Khả năng sinh lời - Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) - Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	11,71 15,80
Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán ngắn hạn - Khả năng thanh toán nhanh	3,37 lần 3,14 lần
Giá trị sổ sách (tại thời điểm 31/12/2010)	24.677.728.142 đồng
Tổng số cổ phần đang lưu hành (tại thời điểm 31/12/2010) Loại cổ phần đang lưu hành	1.200.000 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu quỹ	0
Cổ tức năm 2010	18%

Khả năng sinh lời, thanh toán:

Những mặt hàng in của công ty phần lớn mang tính ổn định, lâu dài như : vé số, sách giáo khoa, lịch bloc... Các đối tác có quan hệ đặt in hàng chục năm qua và rất am hiểu, gắn bó với công ty, sẵn sàng chia sẻ những khó khăn khi có diễn biến tăng chi phí đầu vào. Điều đó giúp công ty bảo đảm được nguồn việc và doanh thu, lợi nhuận.

Tình hình tài chính công ty rất lành mạnh, hệ số thanh toán nợ bảo đảm ở mức cao

(hệ số thanh toán nhanh = tiền/nợ ngắn hạn = 3,37 lần)

Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh:

Trong ngành in hiện nay, tình trạng cạnh tranh quyết liệt bằng cách giảm giá đang

gây điều đứng cho nhiều doanh nghiệp, có không dưới 20% nhà in bị thua lỗ và gặp khó khăn trong vấn đề tài chính. Công ty vẫn bảo đảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn cũng như trên doanh thu ở mức cao, lần lượt là : 32,12% và 11,33%

Phân tích những biến động (những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động)

Năm 2010 vừa qua, biến động về lượng vé số đặt in giảm mạnh là vấn đề gây khó khăn nhất và nằm ngoài mức dự đoán của công ty. Nguyên nhân: loại vé mệnh giá 10.000đồng được thị trường chấp nhận và tiêu thụ mạnh khiến các công ty xổ số phải chuyển sang đặt in loại vé này và gần như bỏ hẳn loại vé mệnh giá 5.000đồng. Điều đó đồng nghĩa công ty xổ số chỉ cần tiêu thụ một nửa sản lượng vé số thì doanh thu vẫn được duy trì như cũ.

Tuy nhiên Công ty đã có những biện pháp về mặt tài chính, kỹ thuật, quản lý và được sự hỗ trợ của các công ty xổ số nên vượt qua được khó khăn này.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Biểu kết quả sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2010

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	So sánh % 2010/2009
1	2	3	4 = 3/2
Tổng giá trị tài sản	22,237,731,021	24,677,728,142	111%
Doanh thu thuần	33,869,167,724	33,111,251,770	98%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3,316,111,570	3,482,760,841	105%
Lợi nhuận khác	332,558,242	370,826,364	112%
Lợi nhuận trước thuế	3,648,669,812	3,853,587,205	106%
Lợi nhuận sau thuế	3,234,074,916	2,890,190,404	89%
Tỷ lệ cổ tức	18%	18%	100%

3. Những tiên bộ đã đạt được:

a. Công tác xây dựng Đảng : Đảng bộ Công ty có 35 đảng viên và được chia làm 3 Chi bộ. Đảng bộ luôn cùng với Ban Giám đốc phối hợp thực hiện tốt các kế hoạch đã đề ra, tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đảng viên và cán bộ chủ chốt, yêu cầu

đảng viên thực hiện tốt trách nhiệm được giao nhằm góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Bên cạnh đó, Đảng bộ còn chăm lo phát triển đảng viên là công nhân trực tiếp sản xuất. Trong năm 2010 Đảng bộ đã kết nạp được 1 đảng viên mới. Đảng bộ nhiều năm liên tục được công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

b. Công tác Công đoàn : Tổ chức Công đoàn nhiều năm liền hoạt động tốt, làm tốt chức năng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng cho người lao động. Bằng kinh phí hoạt động, Công đoàn đã thực hiện việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho đoàn viên, trợ cấp cho những công nhân có hoàn cảnh khó khăn, ốm đau, tai nạn, ... vận động người lao động đóng góp, ủng hộ những công nhân bị bệnh hiểm nghèo, quyên góp cho Quỹ hỗ trợ người nghèo của thành phố, hiến máu nhân đạo, ...

Ngoài ra để tạo sân chơi bổ ích, các phong trào của Công đoàn sôi nổi, thiết thực và sáng tạo tập hợp được nhiều quần chúng lao động tham gia.

c. Chăm lo đời sống người lao động : Theo định kỳ Công ty đều tổ chức Hội nghị Người lao động để thông qua Thỏa ước lao động tập thể hàng năm. Sự ký kết này giữa Giám đốc (đại diện cho người sử dụng lao động) và Chủ tịch Công đoàn (đại diện cho tập thể người lao động) đảm bảo các chế độ cho người lao động được thực hiện tốt và đúng pháp luật góp phần thực hiện việc chăm lo cho người lao động tốt : tất cả các khoản chi phí đều được ghi và thực hiện đầy đủ như Thỏa ước Lao động tập thể đã ký kết.

d. Công tác đào tạo : Hàng năm công ty đều tạo điều kiện cho công nhân được thi tay nghề. Năm 2010 có 32 công nhân dự thi, kết quả có 30 công nhân được nâng bậc, chiếm tỷ lệ 93,75%. Với suy nghĩ, lực lượng lao động là vốn quý của xã hội, muốn phát triển Công ty phải đào tạo nguồn nhân lực cho nên hàng năm Công ty đều trích kinh phí để đào tạo tay nghề cho công nhân.

4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trước tình hình nguồn việc vé số giảm mạnh, công ty đã thực hiện biện pháp điều chỉnh dây chuyền sản xuất, bố trí lại lực lượng lao động đồng thời chấn chỉnh quản lý kỹ thuật, giảm sản phẩm sai hỏng... nhờ đó tiết giảm chi phí sản xuất, bảo đảm hiệu quả kinh tế cho hoạt động doanh nghiệp.

5. Kế hoạch phát triển kinh doanh trong tương lai:

Trên cơ sở bố trí hợp lý dây chuyền sản xuất và các bộ phận phục vụ, quản lý, điều hành trên một mặt bằng nhà xưởng tập trung, công ty sẽ tiến hành các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực sản xuất, nguồn nhân lực, chăm lo đời sống người lao động tốt hơn...

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TẠI NGÀY 31/12/2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		21.543.914.883	17.709.666.296
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		15.585.301.015	13.769.634.995
1. Tiền	111	V.01	585.301.015	2.769.634.995
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	11.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.448.596.182	3.476.629.188
1. Phải thu của khách hàng	131		3.337.802.252	1.783.538.579
2. Trả trước cho người bán	132		1.000.000.000	1.000.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	110.793.930	693.090.609
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140		1.490.017.686	383.402.113
1. Hàng tồn kho	141	V.04	1.490.017.686	383.402.113
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.000.000	80.000.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		20.000.000	80.000.000
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		3.133.813.259	4.528.064.725
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		3.133.813.259	4.358.064.725
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	3.133.813.259	4.358.064.725
- Nguyên giá	222		25.468.303.185	25.513.303.185
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(22.334.489.926)	(21.155.238.460)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			

3. TSCĐ vô hình	227		V.10		
- Nguyên giá	228				
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229				
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		V.11		
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12			
- Nguyên giá	241				
- Giá trị hao mòn lũy kế	242				
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250				170.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251				
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252				
3. Đầu tư dài hạn khác	258		V.13		170.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259				
V. Tài sản dài hạn khác	260				
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		V.14		
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268				
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270			24.677.728.142	22.237.731.021
A. Nợ phải trả (300=310+330)	300			6.394.165.536	4.414.358.819
I. Nợ ngắn hạn	310			6.394.165.536	4.388.520.219
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		V.15		
2. Phải trả người bán	312			1.398.311.950	351.472.988
3. Người mua trả tiền trước	313				
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		V.16	356.964.303	294.800.405
5. Phải trả người lao động	315			2.996.011.781	1.952.006.425
6. Chi phí phải trả	316		V.17		25.000.000
7. Phải trả nội bộ	317				
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318				
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		V.18	157.708.161	160.196.060
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320				
11. Quỹ Khen thưởng, phúc lợi				1.485.169.341	1.605.044.341
II. Nợ dài hạn	330				25.838.600
1. Phải trả dài hạn người bán	331				
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333				
4. Vay và nợ dài hạn	334		V.20		
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336				25.838.600
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337				
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400			18.283.562.606	17.823.372.202
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22		18.283.562.606	17.823.372.202
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411			12.000.000.000	12.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412				
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413				

4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.247.974.425	3.247.974.425
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		863.700.000	583.700.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.171.888.181	1.991.697.777
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tscđ	433			
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		24.677.728.142	22.237.731.021
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán				
1. Tài sản thuê ngoài		24		
2. Vật tư, hàng hoá giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
TỪ 01/01/2010 ĐẾN 31/12/2010

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	33.111.251.770	33.869.167.724
2. Các khoản giảm trừ	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 03)	10		33.111.251.770	33.869.167.724
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	28.819.445.540	28.694.616.115
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		4.291.806.230	5.174.551.609
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.507.560.127	756.999.325
7. Chi phí tài chính	22	VI.28		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
- Chi phí bán hàng	24A			
- Chi phí chờ kết chuyển (14221)	24B			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.316.605.516	2.615.439.364
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		3.482.760.841	3.316.111.570
11. Thu nhập khác	31		370.826.364	332.558.242
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		370.826.364	332.558.242
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.853.587.205	3.648.669.812
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	963.396.801	414.594.896
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		2.890.190.404	3.234.074.916
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.408	2.695

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

TỪ 01/01/2010 ĐẾN 31/12/2010

+	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD				
	1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		34,927,113,299	35,735,494,221
	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-15,321,183,125	-11,626,237,754
	3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-12,384,046,435	-14,057,512,321
	4. Tiền chi trả lãi	04			
	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-959,807,752	-234,427,313
	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		899,583,601	918,630,613
	7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07		-4,853,553,695	-7,287,761,460
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX-KD	20		2,308,105,893	3,448,185,986
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
	1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-10,000,000	-10,192,400
	2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			
	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		170,000,000	
	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,507,560,127	756,999,325
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1,667,560,127	746,806,925
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
	2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại c/phiếu đã p/hành	32			
	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-2,160,000,000	-2,280,000,000
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-2,160,000,000	-2,280,000,000
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1,815,666,020	1,914,992,911
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13,769,634,995	11,854,642,084
	ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	VII.34	15,585,301,015	13,769,634,995

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT

Trụ sở chính : 386/51 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, Tp HCM

Điện thoại : 08. 35261357 Fax: 08. 35261359

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN: Công ty mẹ

Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN

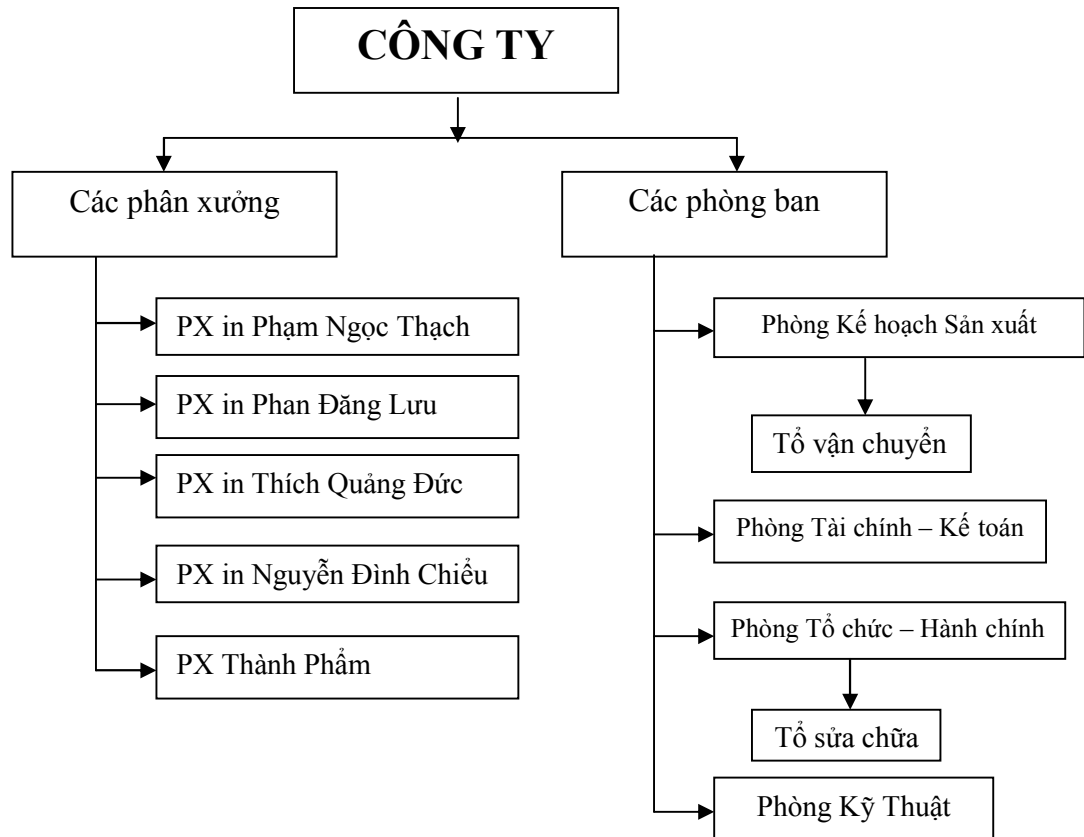
Quyết định thành lập Công ty nhà nước số: 177/2003/QĐ-UB ngày 12/09/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở: 88 Trần Đình Xu, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Tỉ lệ nắm giữ: 51%

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của công ty:



2. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

a) Lực lượng lao động

Số lượng lao động bình quân trong năm 2010 của Công ty là 219 người. Với đội ngũ gọn nhẹ bao gồm những công nhân kỹ thuật tay nghề cao, hiện nay lực lượng lao động được đánh giá là gọn nhẹ, hiệu quả và mang lại năng suất lao động cao.

b) Chính sách cho người lao động

Chính sách đào tạo: Hàng năm công ty tổ chức thi nâng tay nghề cho lực lượng công nhân lao động trực tiếp, qua đó nâng cao trình độ kỹ thuật và kỹ năng làm việc cho đội ngũ công nhân. Hiện nay, cấp bậc bình quân của đội ngũ công nhân kỹ thuật đạt bậc 5, trong năm 2010 có 30/32 công nhân dự thi tay nghề được nâng bậc.

Chính sách tiền lương: Hiện nay Công ty đang áp dụng chế độ tiền lương dưới hai hình thức là lương thời gian (áp dụng đối với bộ phận quản lý và phục vụ) và lương sản phẩm (đối với công nhân trực tiếp sản xuất). Ngoài ra, Công ty cũng tiến hành sắp xếp lại lao động

ở một số bộ phận, giảm lượng lao động dư thừa ở một số khâu để tăng hiệu quả sản xuất và nâng cao thu nhập của lao động trong Công ty.

Chính sách thưởng: Công ty có quy chế khen thưởng cụ thể từng quý và mức thưởng phụ thuộc kết quả kinh doanh hàng năm. Ngoài ra, Công ty thường xuyên kiểm tra việc cấp phát vật tư, mức tiêu hao mực, giấy, kềm, hóa chất... và áp dụng chế độ khen thưởng, động viên thỏa đáng đối với những CB-CNV thực hiện tốt chính sách tiết kiệm. Trong năm qua, nhờ chế độ khen thưởng phù hợp đã giúp đơn vị tiết kiệm nguyên vật liệu và giá trị phế liệu thu hồi đạt gần 300 triệu đồng.

Các chính sách khác: Người lao động được thực hiện đầy đủ các chế độ quy định tại Bộ luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành gồm trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại, hưu trí, tử tuất vv...

3. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

Không có.

THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

1. Thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông). Số thành viên của Hội đồng quản trị có 05 thành viên, nhiệm kỳ tối đa của mỗi thành viên là 05 năm

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

01	Ông Lê Văn Tròn	–	Chủ tịch Hội đồng quản trị
02	Ông Nguyễn Văn Do	–	Phó Chủ tịch HĐQT, Giám đốc
03	Ông Phạm Trần Thọ	–	Thành viên Hội đồng quản trị
04	Bà Trần Thị Hạnh	–	Thành viên Hội đồng quản trị
05	Ông Trần Văn Nhanh	–	Thành viên Hội đồng quản trị

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2010:

Trong năm vừa qua, Hội đồng quản trị đã tổ chức nhiều cuộc họp để kịp thời nắm bắt và xây dựng các định hướng phát triển doanh nghiệp. Đồng thời, Hội đồng

quản trị cũng chỉ đạo và giám sát Ban Tổng giám đốc điều hành trong việc thực hiện các chỉ tiêu về sản xuất và kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị đã đề ra các nghị quyết, quyết định quan trọng để thực hiện và hoàn thành thắng lợi các nghị quyết của đại hội đồng cổ đông đã thông qua với các kết quả nổi bật về doanh thu, lợi nhuận cũng như các chỉ tiêu khác.

- Tổng số trang in (13x19) đạt 6.240.991.000 tương đương 104% so với kế hoạch
- Doanh thu đạt: 33.989 triệu đồng tương đương 109% so với kế hoạch
- Chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước đúng qui định của pháp luật.
- Hoàn tất việc đăng ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam. Công ty đã chính thức giao dịch cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán UpCoM từ ngày 19/05/2010.
- Ngoài ra, HĐQT cũng đã và đang gấp rút lên kế hoạch cho phương án di dời, tập trung mặt bằng sản xuất và mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT:

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, thù lao cho Hội đồng quản trị trong năm 2010 là 1.500.000 đồng / người / tháng

Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên, có nhiệm kỳ 05 năm. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

01	Bà Lê Thị Đan Phương	Trưởng Ban Kiểm soát
02	Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên Ban Kiểm soát
03	Ông Nguyễn Hữu Tài	Thành viên Ban Kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2010:

- ***Kiểm soát chiến lược:***
 - Thường xuyên giám sát việc thực hiện các nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông của

Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành. Tham gia đủ tất cả các phiên họp thường kỳ cũng như bất thường của HĐQT. Đóng góp ý kiến xây dựng các quyết định, nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật doanh nghiệp mới và điều lệ công ty.

- Giám sát HĐQT thực hiện chức năng trong công tác nhân sự.
- Thường xuyên ghi nhận, kiểm tra các ý kiến, kiến nghị, đề xuất của cổ đông và đề nghị HĐQT, Ban giám đốc xem xét, giải thích và giải quyết kịp thời các kiến nghị đó.

- Kiểm soát hoạt động:

- Tổ chức kiểm tra chứng từ, sổ sách kế toán, thẩm định báo cáo tài chính của công ty (01lần/năm)
- Giám sát việc chấp hành các chế độ chính sách với người lao động.
- Giám sát việc chi trả cổ tức và thực hiện phân bổ lợi nhuận hàng năm.

- Kiểm soát Báo cáo tài chính:

Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý, năm nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính, đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập vào giữa kỳ và cuối kỳ, giám sát việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đề xuất.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên ban Kiểm soát năm 2010 là 1.500.000 đồng/tháng/năm

2. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

Để tăng cường hơn nữa hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc sẽ tập trung thực hiện các kế hoạch sau:

- Ổn định hơn nữa mô hình tổ chức để xây dựng bộ máy hợp lý khoa học trên cơ sở các quy trình tác nghiệp, mô tả công việc. Bộ máy điều hành cần tinh gọn nhưng vẫn đảm bảo điều hành toàn công ty hiệu quả.
- Xây dựng chiến lược nguồn nhân lực, tuyển dụng, đào tạo có kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, kết hợp các phương thức đào tạo và tự đào tạo.
- Ngoài đào tạo về nghiệp vụ chuyên môn, quan tâm hơn đến công tác đào tạo về kỹ năng quản lý cho các cấp quản lý công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát phải được đào tạo và đạt chứng chỉ về quản trị công ty.
- Thực hiện tốt các quy định về thưởng phạt để tạo động lực phát triển.
- Liên tục cập nhật, đổi mới, nhất là quy chế nội bộ.

- Lựa chọn những cán bộ có đủ năng lực, chuyên môn, phẩm chất đạo đức để thành lập một bộ phận chuyên trách giám sát việc thực hiện các quy chế quản lý nội bộ.
- Đưa việc xây dựng văn hoá doanh nghiệp thành mục tiêu hiện thực với những tiêu chí cụ thể trong giai đoạn tới.

3. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của cổ đông

Cơ cấu cổ đông

TT	Cơ cấu cổ đông	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền	Tỷ lệ % trên vốn Điều lệ
1	Cổ đông là tổ chức	638.710	6.387.100.000	53,23
2	Cổ đông là cá nhân	561.290	5.612.900.000	46,77
	Tổng cộng	1.200.000	12.000.000.000	100

(Nguồn: CV 367/2011-IN4/VSD-ĐK ngày 04/04/2011 của TT Lưu ký CK VN- CN.TPHCM)

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Văn hóa Sài Gòn	88 Trần Đình Xu, Quận 1, TP HCM	4106000014	612.000	51%
	Tổng cộng			612.000	51%

(Nguồn: CV 367/2011-IN4/VSD-ĐK ngày 04/04/2011 của TT Lưu ký CK VN- CN.TPHCM)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4